

Bản án số: 788/2024/HS-PT
Ngày 04/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 28/8/2024 và ngày 04/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 392/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/01/1973; tại Nghé A. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 300/34/47/34-B14 (số cũ 10/7/A5) đường Nguyễn Văn L, phường Bình Th, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Công ty Cổ phần rượu Bình T; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị O; chồng Nguyễn Hữu Lịch T và có 02 người con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần từ ngày 29/9/2016 đến ngày 26/8/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người giám hộ của bị cáo: Ông Nguyễn Hữu Lịch K, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 300/34/47/34-B14 (số cũ 10/7/A5) đường Nguyễn Văn L, phường Bình Th, Q 7, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Hồ Hoài Nh là Luật sư của Công ty TNHH MTV Trường M, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần rượu Bình T; Địa chỉ: 621 Phạm Văn C, p 7, Q 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần rượu Bình T: Ông Phạm Huy B là người đại diện theo ủy quyền; Giấy ủy quyền số 03/2024/GUQ-RBT ngày 06/3/2024; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty rượu Bình T là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động từ năm 1975, đến năm 2005 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần rượu Bình T (gọi tắt là Công ty), trong đó cổ phần Nhà nước chiếm 51%, ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán sản phẩm cồn, rượu, bia, nước giải khát ...Ngày 20/8/1997, Công ty thành lập Cửa hàng giới thiệu sản phẩm (gọi tắt là Cửa hàng) tại địa chỉ số 621, đường Phạm Văn C, Q 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/5/2002, Công ty Cổ phần rượu Bình T ban hành Văn bản số 79/QĐ-RBT quy định về tổ chức và quản lý Cửa hàng giới thiệu sản phẩm thể hiện nội dung: Phụ trách cửa hàng phải chịu trách nhiệm về tài sản, hàng hóa của Công ty tại cửa hàng; mọi mất mát, hư hỏng tài sản, hàng hóa do chủ quan, thiếu tinh thần trách nhiệm đều phải đền bù cho Công ty; thanh toán tiền hàng trực tiếp với Công ty, mở sổ nhập xuất, ký gởi, nhật ký bán hàng,... theo hướng dẫn của phòng kế toán, báo cáo hàng tuần, tháng cho Công ty.

Ngày 29/11/2005, Nguyễn Thị T được Công ty giao nhiệm vụ là nhân viên bán hàng tại Cửa hàng giới thiệu sản phẩm nêu trên. Ngày 01/02/2007, ông Phạm Trọng C - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần rượu Bình T có biên bản thỏa thuận với Nguyễn Thị T quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên cửa hàng giới thiệu sản phẩm như sau: “Chịu trách nhiệm về tiền, hàng trong phạm vi được giao quản lý. Hàng ngày lập bảng kê lượng hàng bán trong ngày để lập hóa đơn nộp tiền vào quỹ Công ty, không được để tồn tiền quỹ cửa hàng quá thời gian 01 ngày làm việc. Trường hợp ngày lễ, tết phải nộp lại toàn bộ tiền bán hàng trước khi nghỉ lễ, tết; định kỳ tháng, quý, năm phải tiến hành kiểm kê tiền, hàng, đồng thời lập báo cáo cho người trực tiếp quản lý; cuối ngày làm việc, nhân viên cửa hàng phải có trách nhiệm cùng thủ kho đối chiếu lượng hàng nhập, xuất trong ngày và lập phiếu xuất kho theo qui định của Công ty”. T đã đồng ý với thỏa thuận này.

Quá trình công tác, Nguyễn Thị T đã có hành vi không thực hiện đúng các quy định của Công ty dẫn đến gây thất thoát tài sản của Công ty Cổ phần rượu Bình T, cụ thể: Từ tháng 02/2006 đến tháng 9/2009, Nguyễn Thị T đề xuất đề Phòng kinh doanh lập phiếu xuất hàng cho Nguyễn Thị T nhận hàng đưa ra Cửa hàng để T bán. Thời gian đầu, Nguyễn Thị T có thực hiện báo cáo kết quả bán hàng, lập báo cáo số lượng hàng hóa đề nghị xuất hóa đơn; hàng tháng, hàng năm có kiểm kê hàng hóa đúng và đầy đủ theo quy trình trên. Tuy nhiên, từ đầu 2007 đến 2009, Nguyễn Thị T không thực hiện đầy đủ các qui định như trên của Công

ty. Cụ thể, hàng ngày T ký nhận hàng từ kho của Công ty, bán hàng và thu tiền nhưng không ghi sổ sách và không nộp đủ tiền bán hàng về Công ty theo qui định. Đến tháng 8/2009, Công ty kiểm tra phát hiện việc T không nộp đủ tiền bán hàng về quỹ Công ty nên trình báo sự việc cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập được 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty Rượu Bình T, đây là các chứng từ thể hiện Nguyễn Thị T nhận hàng hóa từ kho của Công ty Rượu Bình T. Ngày 07/11/2011, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 2482A trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh để giám định chữ ký, chữ viết tại mục “thủ kho nhập” và mục “người vận chuyển” trên 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ nêu trên để xác định có phải chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị T hay không. Ngày 09/12/2011, Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 4121/C54B xác định trong số 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ có 195 phiếu là do Nguyễn Thị T ký nhận. Tổng trị giá hàng hóa của 195 phiếu này là 765.354.013 đồng. Đối chiếu với các chứng từ nộp tiền từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2009, xác định Nguyễn Thị T đã nộp cho Công ty số tiền bán hàng là 512.320.103 đồng. Số tiền T chưa nộp cho Công ty là 253.033.910 đồng (765.354.013 đồng - 512.320.103 đồng). Quá trình điều tra xác định trong số tiền chưa nộp này có 7.021.390 đồng là tiền của cá nhân mua hàng của T còn nợ. Do đó, số tiền thiếu hụt thất thoát được xác định là 246.012.520 đồng (253.033.910 đồng - 7.021.390 đồng).

Bà Ngô Thị Ngọc C - nguyên nhân viên Phòng kinh doanh (đã nghỉ hưu) là người viết Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, khai nhận: các phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ trước đây do người khác viết, vì có sự chuyển đổi trong công tác quản lý, có thời gian do Phòng kế toán viết phiếu, có lúc do Phòng kinh doanh viết, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ có 03 liên, liên 1 do Phòng kinh doanh lưu, liên 2 do Nguyễn Thị T nhận hàng giữ, liên 3 do Phòng kế toán lưu. Khi có đề nghị của Nguyễn Thị T xuất hàng cho Cửa hàng giới thiệu sản phẩm, bà Chiếm căn cứ vào giấy đề nghị ghi số lượng, chủng loại, đơn giá, thành tiền, thuế GTGT vào Phiếu để T ký trực tiếp vào mục “Thủ kho nhập” và “Cửa hàng giới thiệu sản phẩm nhận đủ tiền”, nhưng vì Nguyễn Thị T ký mà không ghi rõ họ tên, bà C đã viết thêm dưới chữ ký của Nguyễn Thị T chữ “T” hoặc “Nguyễn Thị T” tại các Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, nhằm mục đích để Phòng kế toán dễ theo dõi.

Lúc đầu, Nguyễn Thị T thừa nhận có làm thất thoát tiền của Công ty với lý do: Một số công nợ của khách hàng chưa được thu hồi; T cho một số cá nhân trong Công ty mượn rượu nhưng chưa thu hồi được, tự chi tiền để mua trang thiết bị cho Cửa hàng,... nhưng T không cung cấp được các tài liệu, sổ sách ghi chép về công nợ này; không cung cấp được danh sách khách hàng còn nợ để Công ty thu hồi nợ; sau này, T còn khai có cất giữ chứng từ, tiền bán hàng ở tại nhà riêng nhưng do nhà kế bên bị cháy nên bị mất, không còn để giao nộp. Đến nay, Nguyễn Thị T khai các chữ ký của T tại các chứng từ nhận hàng là giả mạo chữ ký của T mặc dù các chữ ký này đã được kết luận giám định đúng chữ ký của T

và T không thừa nhận hành vi đã làm thất thoát số tiền 246.012.520 đồng của Công ty.

Vật chứng thu giữ:

Tạm giữ 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty Cổ phần Rượu Bình T (lưu theo hồ sơ vụ án).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 506/2013/HSST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Bản án hình sự phúc thẩm số 653/2014/HSPT ngày 15/10/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Thị T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, tuy nhiên còn một số tình tiết chưa được điều tra làm rõ nên đã hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 506/2013/HSST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra lại vụ án.

Quá trình điều tra lại vụ án: Vào năm 2016, Nguyễn Thị T bị bệnh tâm thần, được Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần từ ngày 29/9/2016 đến ngày 26/8/2019 được xác định khỏi bệnh tâm thần và Cơ quan điều tra phục hồi điều tra tiếp tục xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2024/HSST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 285; Điều 43; Điều 44 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được khấu trừ vào thời gian bị cáo thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29/9/2016 đến ngày 26/8/2019 (bị cáo đã thi hành xong án phạt tù).

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho Công ty Cổ phần rượu Bình T số tiền 246.012.520 (hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo chưa thực hiện hết khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo kêu oan, không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về mức án, án phí và số tiền bồi thường cho Công ty Cổ phần rượu Bình Tây.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết luận giám định đã thể hiện từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2009, bị cáo T không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, hàng không ghi sổ, giao tiền về cho Công ty làm thất thoát số tiền 246.012.520 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và xử phạt bị cáo 2 năm, 10 tháng, 27 ngày tù bằng với thời gian Viện kiểm sát có quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo là phù hợp.

Bị cáo T tham gia tranh tụng như sau: Bị cáo là nhân viên của Cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty, bị cáo thực hiện theo quy định của Công ty, trên bị cáo có người quản lý, sao lại nói bị cáo thiếu trách nhiệm nên bị cáo không đồng ý; Viện kiểm sát có quyết định đưa bị cáo đi chữa bệnh từ ngày 17/11/2015 nhưng nay lại rút ngắn thời gian chữa bệnh cho bị cáo là không đúng; bị cáo không bị bệnh nhưng lại đưa đi chữa bệnh, đưa thuốc độc vào người của bị cáo, nay bị cáo không có tội, minh oan cho bị cáo không phải bồi thường dân sự; yêu cầu bồi thường cho bị cáo. Ông Th chồng của bị cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét hồ sơ, xét xử cho đúng pháp luật, vì vụ án kéo dài đã lâu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo T kêu oan là có cơ sở, vì Cơ quan điều tra không xác định được tài sản của Công ty bị thất thoát thời gian nào; đến nay bị cáo cũng không thừa nhận phiếu xuất kho do bị cáo nhận hàng và ký. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp: Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng Cơ quan điều tra chưa xác định được thời gian thất thoát và Phiếu xuất kho bị cáo T không ký là không phù hợp; vì từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2009 bị cáo T đã làm thất thoát tài sản và trong 195 Phiếu xuất kho có chữ ký của bị cáo T, kết quả giám định là chữ ký của bị cáo T. Do không chứng minh được bị cáo Thanh chiếm đoạt, chỉ xác định được bị cáo T không làm hết các chức trách nhiệm vụ được giao để thất thoát tài sản nên đã xét xử bị cáo T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có cơ sở.

Bị cáo T có lời nói sau cùng là bị cáo bị oan, đã gây thiệt hại về kinh tế và tinh thần cho bị cáo, mong cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ tài liệu Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời khai nhận của bị cáo tại các phiên tòa đã thể hiện: Ngày 29/11/2005, bị cáo T được Công ty Cổ phần rượu Bình T (gọi tắt là Công ty), giao nhiệm vụ nhân viên bán hàng, tại Cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty. Bị cáo T là nhân viên cửa hàng giới thiệu sản phẩm có nhiệm vụ như sau: “...*Chịu trách nhiệm về tiền, hàng trong phạm vi được giao quản lý. Hàng ngày lập bảng kê lượng hàng bán trong ngày để lập hóa đơn nộp tiền vào quỹ Công ty, không được để tồn tiền quỹ cửa hàng quá thời gian 01 ngày làm việc. Trường hợp ngày lễ, tết phải nộp lại toàn bộ tiền bán hàng trước khi nghỉ lễ, tết; định kỳ tháng, quý, năm phải tiến hành kiểm kê tiền, hàng, đồng thời lập báo cáo cho người trực tiếp quản lý; cuối ngày làm việc, nhân viên cửa hàng phải có trách nhiệm cùng thủ kho đối chiếu lượng hàng nhập, xuất trong ngày và lập phiếu xuất kho theo qui định của Công ty...*”. Từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2009, bị cáo T ký nhận hàng (rượu) của Công ty. Cơ quan điều tra đã thu thập được 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty, bị cáo T không thừa nhận chữ ký của bị cáo trên phiếu xuất kho. Tại Kết luận giám định số 4121/C54B ngày 09/12/2011 của Phân Viện khoa học hình sự – Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: trong số 228 phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ có 195 phiếu là do Nguyễn Thị T ký nhận, có giá trị là 765.354.013 đồng. Đối chiếu với các chứng từ nộp tiền từ tháng 3/2006 đến tháng 9/2009, bị cáo T đã nộp vào quỹ của Công ty số tiền bán hàng và số tiền khách mua hàng không thu hồi được; số tiền còn lại bị cáo T không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao đã gây thất thoát cho Công ty là 246.012.520 đồng [765.354.013 đồng – (512.320.103 đồng + 7.021.390 đồng)]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có cơ sở, không oan sai.

[2]. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi chữa khỏi bệnh tâm thần cho đến nay vẫn còn hạn chế về nhận thức; hiện có hoàn cảnh khó khăn theo qui định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do lỗi vô ý, hành vi phạm tội xảy ra đã lâu, nên xử hình phạt tù 2 năm, 10 tháng, 27 ngày bằng với thời gian bị cáo chấp hành Quyết định bắt buộc chữa bệnh tâm thần từ ngày 29/9/2016 đến ngày ra viện ngày 26/8/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 43, Điều 44 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; tại phiên tòa bị cáo Thanh cho rằng bị cáo đi bắt buộc chữa bệnh từ ngày 17/11/2015 theo Quyết định bắt buộc chữa bệnh số 05/QĐBBCB-P3 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại Biên bản bàn giao đối tượng chữa bệnh ngày 29/9/2016 và Giấy ra viện ngày 26/8/2019 của Bệnh viện tâm thần Trung ương II Biên Hòa (BL: 83, 17, 18) thì Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian bắt buộc chữa bệnh và thời gian ra viện là phù hợp. Vì vậy, bị cáo T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm rút ngắn thời gian chữa bệnh của bị cáo là không có cơ sở.

[3]. Hành vi của bị cáo T đã gây thiệt hại tài sản của Công ty; nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo T phải bồi thường cho Công ty số tiền 246.012.520 đồng và bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.300.626 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của bị cáo T và luật sư bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thanh, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị cáo T phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2024/HSST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 285; Điều 43; Điều 44 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được khấu trừ vào thời gian bị cáo thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tâm thần của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29/9/2016 đến ngày 26/8/2019 (bị cáo đã thi hành xong án phạt tù).

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường cho Công ty Cổ phần rượu Bình T số tiền 246.012.520 (hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo chưa thực hiện hết khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 12.300.626 (mười hai triệu ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi sáu) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- CA TP. HCM;
- Sở tư pháp TP. HCM;
- Bị cáo;
- Lưu; NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý